

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Năm 2005

MỤC LỤC

| | | |
|-------|--|----|
| 1. | LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 2 |
| 1.1. | Những sự kiện quan trọng: | 2 |
| 1.1.1 | Quá trình thành lập | 2 |
| 1.1.2 | Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần..... | 2 |
| 1.1.3 | Niên yết: | 2 |
| 1.1.4 | Các sự kiện khác | 2 |
| 1.2. | Quá trình phát triển..... | 2 |
| 1.2.1 | Ngành nghề kinh doanh | 2 |
| 1.2.2 | Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn | 3 |
| 1.3. | ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN: | 3 |
| 2. | BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 4 |
| 2.1. | Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 4 |
| 2.2. | Tình hình thực hiện so với kế hoạch | 5 |
| 2.3. | Thay đổi chủ yếu trong năm | 5 |
| 3. | BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC | 6 |
| 3.1. | Báo cáo tình hình tài chính | 6 |
| 3.1.1 | Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán..... | 6 |
| 3.1.2 | Phân tích những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân | 6 |
| 3.1.3 | Những thay đổi về vốn cổ đông..... | 7 |
| 3.2. | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 7 |
| 3.3. | Kế hoạch phát triển trong tương lai | 8 |
| 3.3.1 | Mục tiêu và kế hoạch phát triển chung | 8 |
| 3.3.2 | Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm 2006..... | 9 |
| 4. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH..... | 9 |
| 5. | BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN..... | 9 |
| 5.1. | Kiểm toán độc lập: | 10 |
| 5.1.1 | Đơn vị kiểm toán độc lập..... | 10 |
| 5.1.2 | Ý kiến kiểm toán độc lập:..... | 10 |
| 6. | CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: | 10 |
| 6.1. | Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất..... | 10 |
| 6.2. | Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính | 11 |
| 7. | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ | 11 |
| 7.1. | Cơ cấu tổ chức | 11 |
| 7.2. | Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát | 12 |
| 7.3. | Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm: | 13 |
| 7.4. | Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động | 13 |
| 7.5. | Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị..... | 14 |
| 8. | THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY | 14 |
| 8.1. | Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 14 |
| 8.1.1 | Thành phần của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 14 |
| 8.1.2 | Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị | 15 |
| 8.1.3 | Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 15 |
| 8.1.4 | Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và những người điều hành chủ chốt khác trong Công ty | 15 |
| 8.2. | Các dữ liệu thống kê về cổ đông | 16 |

1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Những sự kiện quan trọng:

1.1.1 Quá trình thành lập

- Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam (tiền thân là Công ty Hưng nghiệp CPHH Việt Sơn Minh - Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 414/GP ngày 07/09/1992 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu tư) cấp. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty là 6.995.000 USD, trong đó vốn pháp định là 3.955.000 USD. Sản phẩm chính của Công ty là dây điện và cáp điện các loại. Dự án xây dựng nhà máy sản xuất được triển khai năm 1994 và hoàn thành đưa vào sử dụng đầu năm 1995.
- Tháng 10/1995, Công ty Hưng nghiệp CPHH Việt Sơn Minh được đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, trở thành một thành viên trong tập đoàn Taya (Taya Group). Thương hiệu Dây và Cáp điện Taya chính thức đi vào thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Đầu tháng 3/2003, Công ty chọn Hải Dương để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây và cáp điện với tổng vốn đầu tư của dự án là 10.000.000 USD. Công ty đã nâng tổng vốn đầu tư đăng ký lên 21.444.240 USD và vốn pháp định là 13.114.072 USD theo Giấy phép Đầu tư Điều chỉnh số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN.
- Ngày 1/1/2005, nhà máy Hải Dương đã chính thức đi vào hoạt động.

1.1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần

Trên cơ sở Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của chính phủ Việt Nam ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc cho phép thực hiện thí điểm chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần và Thông tư liên tịch của Bộ kế hoạch – Đầu tư và Bộ tài chính số 08/2003/TTLT-BKH- BTC ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2003/NĐ-CP. Công ty CPHH dây và Cáp điện Taya Việt Nam thông qua đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã xây dựng và nộp hồ sơ đăng ký chuyển đổi lên Bộ Kế Hoạch và Đầu tư. Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với số vốn cổ phần được duyệt là 182.676.270.000 đồng.

1.1.3 Niêm yết:

Taya Việt Nam đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) chính thức cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu số 40/UBCK-GPNY ngày 2/12/2005. Theo đó cổ phiếu của Taya Việt Nam chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM vào ngày 15 tháng 02 năm 2006. Tổng số lượng cổ phiếu được phép niêm yết là 3.653.480 cổ phần.

1.1.4 Các sự kiện khác

- Ngày 25/6/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam được tổ chức tại Khách sạn Legend số 2A – 4A đường Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

1.2. Quá trình phát triển

1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại dây điện: dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô.

- Các loại dây điện từ: dây điện từ PEW (dây tráng men PE), dây điện từ UEW (dây tráng men UE).

1.2.2 Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn

- Trong thời gian từ 1992 – 2004, được sự cho phép của Chính phủ Việt Nam, Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt Nam đã qua 5 lần tăng thêm vốn đầu tư để đáp ứng nhu cầu trang bị mới máy móc thiết bị và phát triển sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:
 - Năm 2001, Công ty đã hoàn thành đầu tư xưởng nung đúc nguyên liệu đồng đầu tiên cho nhà máy.
 - Năm 2002, hoàn thành đầu tư nhà xưởng hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện từ và nhà xưởng nung đúc nguyên liệu đồng số 2.
 - Năm 2003, đầu tư Chi nhánh sản xuất tại tỉnh Hải Dương, nhà máy được đầu tư hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng đến khâu sản xuất ra các loại dây điện, cáp điện và dây điện từ.
- Tóm tắt quá trình phát triển vốn của Công ty như sau:

| Stt | Số GPĐT | Ngày | Vốn pháp định (USD) | Vốn đầu tư (USD) | Mục đích đầu tư |
|-----|----------------------|------------|---------------------|------------------|--|
| 1 | 414/GP | 07/09/1992 | 3.955.000 | 6.955.000 | Đầu tư xây dựng nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất dây cáp điện |
| 2 | 414/GPĐC1 | 31/10/1995 | 6.955.000 | 12.553.300 | Đầu tư xưởng nung đúc đồng nguyên liệu số 1, 2 và xưởng sản xuất dây điện từ |
| 3 | 414/GPĐC3 | 30/07/1997 | 8.955.000 | 14.533.000 | |
| 4 | 414/GPĐC | 12/01/1998 | 8.955.000 | 14.944.240 | |
| 5 | 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN | 16/05/2003 | 13.114.072 | 21.444.240 | Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dây cáp điện, dây điện từ tại Hải Dương |
| 6 | 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN | 07/05/2004 | 14.226.023 | 21.444.240 | |

1.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Chiến lược phát triển của Công ty là đưa Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, có thế mạnh về chất lượng sản phẩm, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu, luôn tuân thủ pháp luật và hoạt động với phương châm “tốt rồi lại tốt hơn”, “cùng tồn tại và cùng phát triển”.
- Để đạt được mục tiêu trên, Công ty xác định phương hướng hoạt động tập trung vào:

Phát triển thị trường

Tận dụng lợi thế về kinh nghiệm sản xuất, công nghệ hiện đại, chất lượng sản phẩm để gia tăng thị phần tại Việt nam thông qua đẩy mạnh phát triển thị trường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Phát triển vững mạnh thương hiệu Taya tại Việt Nam.

Sản xuất chất lượng:

Vận hành sản xuất dựa trên 3 nguyên lý: chất lượng cao, liên tục cải tiến và thỏa mãn khách hàng. Trong tương lai, Công ty hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn luôn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất của ba nguyên lý mà Công ty đã đặt ra.

Đầu tư phù hợp:

Tiến hành đầu tư mở rộng hoặc xây dựng thêm nhà máy ngay khi điều kiện thị trường thuận lợi để sản xuất ra các loại sản phẩm khác nhau như: dây cáp thông tin, cáp quang, dây và cáp điện trung cao thế từ 15 Kv trở lên. Phát triển từng bước vững chắc, luôn bảo đảm cho Công ty hoạt động với tình hình tài chính lành mạnh.

Phát triển nguồn nhân lực:

Nhân tố con người chiếm phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công và phát triển của Doanh nghiệp. Công ty phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách tuyển dụng, đào tạo nâng cao tay nghề, đãi ngộ phù hợp với xu thế chung. Xây dựng và phối hợp tốt giữa các bộ phận tác nghiệp, thúc đẩy khả năng sáng tạo nhằm tăng năng suất lao động.

Tuân thủ pháp luật:

Công ty luôn tuân thủ pháp luật Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Cam kết gắn bó lâu dài, và xây dựng Taya Việt Nam thành một bộ phận vững mạnh và không thể tách rời của Tập đoàn Taya.

2. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

- Trong năm 2005, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,1 % đặc biệt ngành công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng 10,7% và ngày càng đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế chiếm tỷ trọng 40,8% GDP. Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong năm 2005 đạt 6,38 tỷ USD, mức cao nhất trong vòng 08 năm qua từ sau cuộc khủng hoảng tài chính khu vực diễn ra năm 1999. Tất cả những yếu tố thuận lợi nêu trên là tiền đề quan trọng giúp cho Công ty gia tăng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của Taya Việt Nam.
- Năm 2005 là năm đầu tiên Taya Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần với sự tham gia góp vốn của các cổ đông trong nước. Điều này giúp thay đổi cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty một cách cơ bản, đồng thời giúp Công ty minh bạch hơn trong hoạt động của mình cũng như thông qua đó giới thiệu thêm hình ảnh, sản phẩm của Taya Việt Nam đến với các khách hàng, nhà đầu tư trong nước.
- Năm 2005 là năm Công ty chính thức đưa Nhà máy Hải Dương đi vào hoạt động sau 01 năm xây dựng. Nhà máy Hải Dương đóng vai trò cung cấp sản phẩm dây và cáp điện cho thị trường miền Bắc và các quốc gia lân cận có rất nhiều tiềm năng.
- Bên cạnh những điểm thuận lợi nói trên, năm 2005 cũng có rất nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Taya Việt Nam. Trước hết đó là việc giá nguyên liệu đồng trên thế giới tăng cao (tăng bình quân 28% so với năm 2004), mặc dù đã có những dự báo từ trước nhưng với năng lực dự trữ có hạn cũng như mức độ biến động vượt quá tầm kiểm soát của Công ty nên đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh chung của Taya Việt Nam. Nhà máy sản xuất dây và cáp điện Hải Dương chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2005 do vậy chi phí chạy thử, chi phí chờ phân bổ liên quan đến quá trình thành lập doanh nghiệp cũng như thị trường tiêu thụ chưa lớn. Điều này đã dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ trong 6 tháng đầu năm 2005 của Nhà máy Hải Dương. Bằng những giải pháp hợp lý và kịp thời, 6 tháng cuối năm 2005, Nhà máy Hải Dương đã đi vào hoạt động ổn định và bước đầu đã kinh doanh có lãi nhưng chưa cao.
- Một số điểm nổi bật về kết quả kinh doanh năm 2005:

**Tình hình kinh doanh sản xuất năm 2005
TAYA Việt Nam**

| Nhà máy | Tên sản phẩm | Sản lượng (Kg) | Doanh thu (VND) | Chi phí sản xuất |
|-----------------|--------------|------------------|------------------------|------------------------|
| TAYA | Dây cáp điện | 6.026.937 | 381.800.160.172 | 302.819.138.334 |
| Đồng Nai | Dây điện từ | 3.632.753 | 233.758.492.264 | 237.436.212.803 |
| TAYA | Dây cáp điện | 2.490.677 | 117.658.827.516 | 104.386.010.076 |

| | | | | |
|------------------|--------------|------------------|------------------------|------------------------|
| Hải Dương | Dây điện từ | 708.659 | 42.023.135.858 | 50.836.541.483 |
| Tổng Cộng | Dây cáp điện | 8.517.614 | 499.458.987.688 | 407.205.148.410 |
| | Dây điện từ | 4.341.412 | 275.781.628.122 | 288.272.754.286 |

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bao gồm nội địa và xuất khẩu:
 - Nội địa chiếm 90%:
 - * Nhà máy Hải Dương: cung cấp sản phẩm cho các tỉnh phía Bắc trở vào Đà Nẵng.
 - * Nhà máy Đồng Nai: cung cấp sản phẩm từ Đà Nẵng (không bao gồm Đà Nẵng) đến các tỉnh miền Tây (mũi Cà Mau)
 - Xuất khẩu chiếm 10%: chủ yếu ở các nước Trung Quốc, Đài Loan,, Campuchia.

2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| CHỈ TIÊU | Thực hiện 2004 | Kế hoạch 2005 | Thực hiện 2005 | %tăng giảm | |
|-------------------------------------|-------------------|------------------|-------------------|----------------------|----------------------------|
| | | | | TH 2005 so với KH | TH2005 so với TH2004 |
| Vốn điều lệ (triệu đồng) | 182.676 | 182.676 | 182.676 | 0,00% | 0,00% |
| Doanh thu (Triệu đồng) | 463.536 | 757.373 | 775.241 | 2,36% | 67,25% |
| <i>Nhà máy Đồng Nai</i> | <i>463.536</i> | <i>608.087</i> | <i>615.559</i> | <i>1,23%</i> | <i>32,80%</i> |
| <i>Chi nhánh Hải Dương</i> | <i>0</i> | <i>149.286</i> | <i>159.682</i> | <i>6,96%</i> | <i>-</i> |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 66.274 | 39.739 | 42.748 | 7,57% | -35,50% |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) (*) | 61.101 | 35.990 | 38.974 | 8,29% | -36,23% |
| <i>Nhà máy Đồng Nai</i> | <i>61.101</i> | <i>43.110</i> | <i>46.517</i> | <i>7,90%</i> | <i>-23,87%</i> |
| <i>Nhà máy Hải Dương</i> | <i>0</i> | <i>(7.120)</i> | <i>(7.543)</i> | <i>5,94%</i> | <i>-</i> |
| LN sau thuế/ Doanh thu (%) | 13,53% | 4,75% | 5,02% | 5,68% | -62,90% |
| LN sau thuế/Vốn điều lệ (%) | 33,45% | 19,70% | 21,34% | 8,32% | -36,30% |
| Cổ tức (đồng/cổ phần) | 1.500 | 1.500 | - | 0% | 0% |

* cổ tức năm 2005 dự kiến là 15%/năm.

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2004 theo báo cáo kiểm toán của năm 2005 so với báo cáo kiểm toán năm 2004 có sự chênh lệch tăng 5,17 tỷ đồng nguyên nhân là do Công ty được điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế từ việc nộp 100% thuế thu nhập doanh nghiệp xuống chỉ còn phải nộp 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Thời gian ưu đãi thuế trong 03 năm bắt đầu từ năm 2004 ~ 2006 theo công văn số 9697/BTC-TCDN ngày 02 tháng 08 năm 2005 của Bộ Tài Chính.

Kết quả hoạt động năm 2005 xét về chỉ tiêu lợi nhuận mặc dù vượt so với kế hoạch kinh doanh năm 2005 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với thực hiện của năm 2004 vì những lý do khách quan sau:

- (1) Giá nguyên liệu trên thị trường trong nước và thế giới tăng cao.
- (2) Nhà máy Hải Dương chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2005 để phục vụ cho nhu cầu của khách hàng tại thị trường phía Bắc. Tuy nhiên, trong thời gian đầu đi vào hoạt động nhà máy Hải Dương còn gặp nhiều khó khăn do chi phí hoạt động lớn (các chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí khấu hao, chi phí chạy thử và các chi phí khác...) và đang trong giai đoạn thiết lập thị trường tiêu thụ. Ngoài ra, lực lượng tay nghề người lao động tại Nhà máy Hải Dương còn yếu nên tỷ lệ sản phẩm hỏng, sản phẩm không đạt chất lượng cao dẫn đến tăng chi phí sản xuất.

Để hạn chế tình trạng thua lỗ của Nhà máy Hải Dương 6 tháng đầu năm 2005 nhằm đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, Hội đồng Quản trị Công ty liên tục đề xuất những giải pháp như: tăng cường công tác đào tạo thông qua việc cử nhân viên có năng lực từ Nhà máy Đồng Nai để hỗ trợ, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường tiêu thụ... Những giải pháp kịp thời đã giúp cho Nhà máy Hải Dương 6 tháng cuối năm 2005 hoạt động hòa vốn và bắt đầu có lãi.

2.3. Thay đổi chủ yếu trong năm

- Chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần nên cơ cấu tổ chức và hoạt động phù hợp với mô hình Công ty cổ phần và Luật pháp Việt nam.

- Nhà máy Taya Hải Dương chính thức đi vào hoạt động đóng góp không nhỏ vào doanh thu và lợi nhuận của toàn Công ty trong tương lai.
- Công ty nhận được Giấy phép niêm yết cổ phiếu do Chủ tịch UBCKNN cấp mở ra cơ hội huy động vốn từ công chúng đầu tư tại Việt Nam và góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Taya ở thị trường nội địa.

3. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

3.1.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

| CHỈ TIÊU | Đvt | Năm 2005 | Năm 2004 |
|---|-----|----------|----------|
| 1. Bố trí cơ cấu tài sản và vốn | | | |
| 1.1. Bố trí cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 27,25 | 42,00 |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 72,75 | 58,00 |
| 1.2. Bố trí cơ cấu vốn | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 67,57 | 52,38 |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 32,43 | 47,62 |
| 2. Khả năng thanh toán | | | |
| 2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn | lần | 1,17 | 1,31 |
| 2.2. Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,67 | 0,63 |
| 3. Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| 3.1. Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu | % | 5,51 | 14,26 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu | % | 5,03 | 13,15 |
| 3.2. Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản | % | 5,43 | 12,95 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | % | 4,95 | 11,94 |
| 3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu | % | 15,26 | 25,07 |

3.1.2 Phân tích những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2005, doanh thu tăng so với kế hoạch là 2,36% trong khi lợi nhuận tăng so với kế hoạch gần gấp 2 lần mức tăng doanh thu là 7,57% (lợi nhuận trước thuế) và 8,29% (lợi nhuận sau thuế), trong đó lãi của trụ sở chính Đồng Nai vượt 7,90% so với kế hoạch và lỗ của Hải Dương tăng 5,94% so với kế hoạch. Như vậy, nhìn chung, thực tế thực hiện khá tốt thậm chí có phần vượt trội hơn so với kế hoạch (chỉ trừ lỗ của chi nhánh Hải Dương) là do ảnh hưởng của các nhân tố:

- Năm 2005, công ty được giảm thêm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ năm 2004 đến 2006 theo Công văn số 9697/BTC-TCDN do Bộ Tài chính cấp ngày 2 tháng 8 năm 2005.
- Ngoại trừ phần giá nguyên vật liệu đầu vào (đồng tấm) tăng cao so với thị trường thế giới làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất và giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng của Công ty được kiểm

soát khá tốt, chi tiết hơn xin xem phần 2 phân tích kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 so với năm 2004.

- Về tình hình kinh doanh của nhà máy Hải Dương, mức lỗ cao hơn kế hoạch dự kiến là 5,94% trong khi doanh thu của Hải Dương lại vượt kế hoạch đến 6,99% là do nhà máy Hải Dương mới đi vào sản xuất trong năm 2005 nên chưa thật sự ổn định, các máy móc thiết bị mới đưa vào sử dụng khấu hao lớn, sản lượng tiêu thụ còn thấp so với năng lực thiết kế nên giá thành sản xuất trên một đơn vị sản phẩm sẽ còn ở mức cao dẫn đến lợi nhuận trên đơn vị sản phẩm thấp.
- Dự báo các năm tiếp sau, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ dần đi vào ổn định hơn, cùng với sự phát triển của thị trường và sự năng động trong kinh doanh của Công ty, sản lượng tiêu thụ sẽ tăng dần và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tốt lên.

3.1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông

Trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, tỷ lệ vốn góp của hai cổ đông lớn như sau:

| Cổ đông | USD | VNĐ'000 | % |
|--|-------------------|--------------------|------------|
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd | 10.559.290 | 137.004.349 | 75 |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 3.666.733 | 45.671.922 | 25 |
| Tổng cộng | 14.226.023 | 182.676.271 | 100 |

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần và bán cổ phiếu ra bên ngoài tỷ lệ góp vốn như sau:

| Cổ đông | Số cổ phiếu | Thành tiền (VNĐ'000) | % |
|--|-------------------|----------------------|------------|
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd | 10.960.622 | 109.606.220 | 60 |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 3.653.525 | 36.535.250 | 20 |
| Các cổ đông khác | 3.653.480 | 36.534.800 | 20 |
| Tổng cộng | 18.267.627 | 182.676.270 | 100 |

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| CHỈ TIÊU | 2005 | 2004 | Tăng/Giảm | % Tăng/giảm |
|--|--------------------|--------------------|---------------------|-------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 775.500.394 | 464.702.049 | 310.798.345 | 67% |
| 2. Các khoản giảm trừ | 259.779 | 1.165.912 | (906.133) | -78% |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03) | 775.240.615 | 463.536.137 | 311.704.478 | 67% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 695.477.903 | 376.232.968 | 319.244.935 | 85% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 79.762.712 | 87.303.169 | (7.540.457) | -9% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 1.060.454 | 665.209 | 395.245 | 59% |
| - Trong đó: Thu từ lãi | 666.578 | 447.752 | 218.826 | 49% |
| Lãi từ chênh lệch tỷ giá | 389.726 | 217.457 | 172.269 | 79% |
| 7. Chi phí tài chính | 15.133.468 | 4.184.318 | 10.949.150 | 262% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 11.943.506 | 3.053.794 | 8.889.712 | 291% |
| Lỗ từ chênh lệch tỷ giá | 3.189.962 | 1.130.524 | 2.059.438 | 182% |
| 8. Chi phí bán hàng | 13.189.475 | 9.619.401 | 3.570.074 | 37% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17.402.897 | 9.663.539 | 7.739.358 | 80% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)) | 35.097.326 | 64.501.120 | (29.403.794) | -46% |
| 11. Thu nhập khác | 7.802.674 | 1.906.191 | 5.896.483 | 309% |
| 12. Chi phí khác | 151.541 | 133.555 | 17.986 | 13% |
| 13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32) | 7.651.133 | 1.772.636 | 5.878.497 | 332% |
| 14. Lợi nhuận trước thuế | 42.748.459 | 66.273.756 | (23.525.297) | -35% |

| | | | | |
|---|-------------------|-------------------|---------------------|-------------|
| (50=30+40) | | | | |
| 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.774.304 | 5.172.765 | (1.398.461) | -27% |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 38.974.155 | 61.100.991 | (22.126.836) | -36% |
| (60=50-51) | | | | |

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 và năm 2004 có nhiều biến động đáng kể:

- Doanh thu năm 2005 tăng 67% so với năm 2004. Đây là mức tăng khá cao do ngoài việc giá bán bình quân tăng theo mức độ trượt giá của đồng tiền, lượng tiêu thụ cũng tăng mạnh nhờ trong năm 2005 Chi nhánh Hải Dương của Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, mở rộng thị trường khu vực miền Bắc và miền Trung
- Trong năm 2005, giá vốn tăng rất cao hơn cả mức tăng doanh thu là 85%, như đã đề cập ở các phần trước, nguyên nhân là do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao theo giá thị trường thế giới làm cho giá thành tăng vọt và ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán.
- Chi phí bán hàng tăng 37% so với năm 2004, nếu xét theo mức tăng của doanh thu thì chi phí bán hàng tăng không đáng kể trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp lại ở mức cao: tăng 80% so với năm 2004.
- Ngoài ra, năm 2005, phát sinh thêm nhiều khoản vay mới làm cho chi phí lãi vay tăng đến 291% so với năm trước.
- Chính sự ảnh hưởng tăng vọt của các yếu tố chi phí trên đã làm cho tỷ lệ lợi nhuận của Công ty giảm 35% so với năm 2004.

3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.3.1 Mục tiêu và kế hoạch phát triển chung

Mục tiêu của Công ty là đưa Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu, luôn tuân thủ pháp luật và hoạt động với phương châm tạo ra sản phẩm tốt, có tính cạnh tranh cao, đầu tư cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, chiếm lĩnh thị trường trong nước và vươn ra thị trường thế giới, đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ quản lý tốt, đội ngũ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao.

Với đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia nước ngoài có trình độ cao, đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ nhân viên tiếp thị chuyên nghiệp, Taya đang hội đủ tất cả các yếu tố thuận lợi để phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh cả về mặt chất lượng lẫn giá cả. Với những chiến lược phát triển đúng hướng Taya sẽ ngày càng lớn mạnh.

Mở rộng thị trường:

- Công ty đã đề ra chiến lược nhằm mở rộng thị phần của Công ty thông qua việc đẩy mạnh phát triển đại lý tại thị trường phía Bắc, mở văn phòng đại diện và lập tổng kho tại Cần Thơ và Nha Trang. Đưa ra chiến lược bán hàng cụ thể phù hợp với đặc tính của từng vùng. Đẩy mạnh tham gia đấu thầu các công trình tại địa phương. Phân loại khách hàng trực tiếp, thực hiện hỗ trợ có hiệu quả. Cụ thể các mục tiêu được đưa ra gồm:

Đảm bảo nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm,
Đẩy mạnh các hình thức phát triển thương hiệu của Công ty,
Phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức cho Cổ đông.

- Công ty có kế hoạch xây dựng thêm nhà máy sản xuất dây cáp điện trung và cao thế từ 15KV trở lên tại nhà máy Đồng Nai nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu sản phẩm đa dạng của thị trường.

- Phát triển nguồn nhân lực cũng là một phần quan trọng của Công ty trong mục tiêu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:
Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân
Thu hút thêm nhân sự có năng lực
Đào tạo các chuyên gia trong nước và hướng tới thay thế dần các chuyên gia nước ngoài bằng cán bộ có năng lực trong nước.

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

- Năm 2005 là năm bản lề cho công tác đầu tư mở rộng sản xuất của công ty với việc nhà máy ở Hải Dương bắt đầu đi vào hoạt động, nhà máy ở Đồng Nai tiếp tục đầu tư chiều sâu, đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nếu nhà máy ở Hải Dương và các dự án ở Đồng Nai hoạt động với năng suất dự kiến và triển khai đúng tiến độ Công ty sẽ đột phá mạnh mẽ trong tương lai.

3.3.2 Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm 2006

Dự báo chi tiết cho kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2006 như sau:

| CHỈ TIÊU | 2005 | Kế hoạch 2006 | Tăng/Giảm 2006/2005 | % Tăng/giảm |
|--|--------------------|--------------------|---------------------|-------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 775.500.394 | 930.600.473 | 155.100.079 | 20% |
| 2. Các khoản giảm trừ | 259.779 | | (259.779) | -100% |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03) | 775.240.615 | 930.600.473 | 155.359.858 | 20% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 695.477.903 | 820.663.926 | 125.186.023 | 18% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 79.762.712 | 109.936.547 | 30.173.835 | 38% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 1.060.454 | 1.113.477 | 53.023 | 5% |
| - Trong đó: Thu từ lãi | 666.578 | 689.908 | 23.330 | 4% |
| Lãi từ chênh lệch tỷ giá | 389.726 | 397.521 | 7.795 | 2% |
| 7. Chi phí tài chính | 15.133.468 | 16.646.815 | 1.513.347 | 10% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 11.943.506 | 12.898.986 | 955.480 | 8% |
| Lỗ từ chênh lệch tỷ giá | 3.189.962 | 3.253.761 | 63.799 | 2% |
| 8. Chi phí bán hàng | 13.189.475 | 15.827.370 | 2.637.895 | 20% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17.402.897 | 20.535.418 | 3.132.521 | 18% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)) | 35.097.326 | 58.040.421 | 22.943.095 | 65% |
| 11. Thu nhập khác | 7.802.674 | 3.901.337 | (3.901.337) | -50% |
| 12. Chi phí khác | 151.541 | 151.541 | 0 | 0% |
| 13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32) | 7.651.133 | 3.749.796 | (3.901.337) | -51% |
| 14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40) | 42.748.459 | 54.290.625 | 11.542.166 | 27% |
| 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.774.304 | 4.793.366 | 1.019.062 | 27% |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 38.974.155 | 49.497.259 | 10.523.104 | 27% |

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán: xin vui lòng xem Báo cáo Kiểm toán đính kèm.

5. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5.1. Kiểm toán độc lập:

5.1.1 Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty Kế toán Kiểm toán Tư vấn Việt Nam (AACCC)

- Trụ sở chính Số 1A B8 Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (04) 7755 406 Fax: (04) 7755 405
- Chi nhánh Hồ Chí Minh Số 59 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 910 2964 Fax: (08) 910 2965

Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)

- Trụ sở chính Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04) 852 4123 Fax: (04) 852 4143
- Chi nhánh Hải Phòng Số 99 Bạch Đằng, Hải Phòng
Điện thoại: (031) 669 133 Fax: (031) 669 414
- Chi nhánh Miền Trung Tầng 10, Tòa nhà CIENCO 5
Số 77 Nguyễn Du, Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 889 123 Fax: (0511) 889 345
- Chi nhánh Hồ Chí Minh Tầng 11, Tòa nhà Trung tâm thương mại Sài Gòn
Số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 910 0751 Fax: (08) 910 0750

5.1.2 Ý kiến kiểm toán độc lập:

Xin vui lòng xem Báo cáo Kiểm toán đính kèm

6. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Taya Electric Wire & Cable Co Ltd: sở hữu 60% cổ phần

6.1. Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất

Ngành nghề hoạt động: sản xuất cáp điện các loại, dây điện thoại các loại, dây đồng trần, dây điện tử

Địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất

- Trụ sở chính Số 249 - Đường Trung Sơn, Đoạn II, Thôn Quan Miếu
Xã Quan Miếu, Huyện Đài Nam, Đài Loan,
Điện thoại: (886) 5953 131
- Nhà máy Số 15 - Đường Nam Hưng, Thôn Nam Loan, Tp. Vĩnh Khang,
Huyện Đài Nam, Đài Loan
Điện thoại: (886-6) 2372 6131
- Chi nhánh Đài Bắc Số 149 - Đường Ngũ Công, Khu Công nghiệp Ngũ Cổ,
Thôn Ngũ Cổ, Huyện Đài Bắc, Đài Loan
Điện thoại: (886-2) 2299 7070

- Chi nhánh Đài Trung Số 2 - Đường 33, Khu Công nghiệp Đài Trung, Đài Loan
Điện thoại: (886-2) 2350 1010

6.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính

- Năm 1955: Thành lập nhà máy Thực Nghiệp TAYA, vốn pháp nhân NTD 200.000, diện tích khoản 990 m², chuyên sản xuất kinh doanh dây cáp điện bọc cao su, dây cáp điện ngoài trời, dây điện bọc lớp bố, dây điện xe hơi;
- Năm 1958-1962: nghiên cứu sản xuất dây bọc nhựa PVC, dây điện công trình, dây điện xe hơi bọc nhựa, 2 lần tăng vốn lên NTD 600.000 và NTD 2.000.000, đổi tên Công ty Thực Nghiệp Cổ phần Hữu hạn TAYA.
- Năm 1967: Dời nhà xưởng vào Khu Công nghiệp Cán Tre, tăng vốn lên NTD 5.000.000, đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA.
- Năm 1968-1987: sau 9 lần tăng vốn và phát triển mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đến thời điểm năm 1987 số vốn là NTD 300.660.000, mua thêm mặt bằng tại Huyện Đài Nam xây dựng nhà xưởng, Tổng Công ty dời về Quan Miếu, Huyện Đài Nam, chính thức đưa dây cáp điện siêu cao áp đi vào hoạt động.
- Năm 1988: hợp nhất Công ty CPHH Dây Cáp điện Đại Hằng và tăng vốn lên NTD 750.000.000, mở rộng thiết bị chế tạo sản phẩm dây cáp điện lực siêu cao áp. Tháng 10, Ủy Ban Chứng khoán thuộc Bộ Tài chính Đài Loan chấp thuận Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu. Tháng 12/1988, Cổ phiếu của Công ty chính thức lên sàn giao dịch.
- Năm 1989-2000: tăng vốn 9 lần và không ngừng mở rộng phát triển sản xuất. Đến năm 2000, số vốn đã lên đến NTD 5.572.260.000, hợp danh với Công ty Công nghiệp điện Cổ Hà (Nhật Bản) thành lập Công ty CPHH Tư vấn Công trình Đại Hà và đầu tư vào Công ty CPHH Đầu tư Sáng nghiệp TAYA, sản phẩm dây điện từ được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng QS-9000.
- Năm 2001-2003: thay đổi chiến lược hoạt động, giảm vốn xuống còn NTD 5.425.770.000

7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

7.1. Cơ cấu tổ chức

- **Trụ sở chính và Nhà máy Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ, Ban Hành chính quản trị.
Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại: 061-836 361
Fax: 061 – 836 388
- **Chi nhánh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.
Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.
Điện thoại: 0320 – 775888
Fax: 0320 – 775 896
- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành Công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya có được thiết lập bao gồm: Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ, Ban Hành chính quản trị. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm.

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều động sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

7.2. Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

1. Ông SHEN SHANG PANG

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam. Phó chủ tịch HĐQT Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya (Đài Loan)
Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

2. Ông SHEN SHANG TAO

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya (Đài Loan).
Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ

3. Ông SHEN SHANG HUNG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CPHH dây và cáp điện Taya (Đài Loan).
Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

4. Ông SHEN SAN YI

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA (Đài Loan).
Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

5. Ông CHEN PING SEN

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
Ngày tháng năm sinh: 13/8/1948
Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Đại học Bình Đông, Đài Loan.

6. Ông CHIU CHIN TENG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
Ngày tháng năm sinh: 1/11/1950
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Nghiệp Đài Nam. Đài Loan.

Thành viên ban kiểm soát:

7. Ông KUO LAO FU

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, chủ nhiệm phòng Tổng Giám Đốc Công ty CPHH dây và Cáp điện Taya (Đài Loan).
Quê quán: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trung học Tân Phong, Đài loan, khoa Quản trị doanh nghiệp

8. Ông WANG WEN RUEY

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện Đại Triển
Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951
Nơi sinh: Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

9. Ông TU TING JUI

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, Chuyên viên Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA (Đài Loan).
Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
Dân tộc: Trung Hoa
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Cao đẳng Thương nghiệp Đài Nam. Đài Loan.

7.3. Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm:

Theo Biên bản họp HĐQT số 01/2005/BB-HĐQT1 ngày 28/06/2005, các thành viên trong HĐQT đã thống nhất ý kiến 100% tiếp tục tín nhiệm Ông Chen Ping Sen là Tổng Giám Đốc Công ty sau khi chuyển thành Công ty Cổ phần.

7.4. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Taya Việt Nam ở Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2005 là 577 người với 69 nhân viên quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 2,52% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học và trên đại học chiếm 13,59%, trung cấp chiếm 11,65% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 74,76%.

Chính sách lương:

Mức lương và thời gian thử việc được quy định theo trình độ văn hóa:

| Trình độ | Thời gian thử việc | Mức lương thử việc |
|----------|--------------------|--------------------|
|----------|--------------------|--------------------|

| | | |
|----------------------|---------|----------------|
| Hết lớp 9 | 1 tháng | 790.000 đồng |
| Hết lớp 12 | 1 tháng | 790.000 đồng |
| Trung cấp + Cao đẳng | 1 tháng | 890.000 đồng |
| Đại học | 2 tháng | 1.200.000 đồng |
| Lái xe | 1 tháng | 1.000.000 đồng |
| Phiên dịch | 1 tháng | 1.500.000 đồng |

Khi kết thúc thời gian thử việc, Ban Giám đốc sẽ đánh giá khả năng làm việc và nhận chính thức. Lúc này mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Tiếp đó, cứ 1 năm 1 lần (thường là vào cuối năm) dựa vào đánh giá của phòng, tổ mà Ban Giám đốc sẽ quyết định tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp tiếng Hoa, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

Chính sách thưởng:

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13. Mức thưởng này từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty (trong năm 2004, nhân viên của nhà máy Đồng Nai được thưởng 4 tháng lương bình thường).

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 2/9, tặng quà và bánh Trung thu vào dịp Tết và Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa và tiền mừng cưới...

Chính sách đào tạo nhân viên:

Đào tạo ngoại ngữ: hàng năm, Công ty tổ chức cuộc thi tiếng Hoa cho công nhân viên và xếp thứ hạng, tùy theo trình độ sẽ có những mức trợ cấp ngoại ngữ tương xứng.

Đào tạo chuyên môn: công ty đang có kế hoạch nâng cao việc đào tạo chuyên môn cho công nhân viên.

7.5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị được bầu từ Đại hội Cổ Đông thành lập đến thời điểm lập Báo cáo này không thay đổi.

8. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

8.1.1 Thành phần của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

- Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|--------------------------------|
| Ông Shen Shang Pang | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Shen Shang Tao | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Chen Ping Shen | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Shen Shang Hung | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Shen San Yi | Thành viên Hội đồng Quản trị |

Trong các thành viên Hội đồng Quản trị, chỉ có Ông Chen Ping Sen là Tổng Giám Đốc trực tiếp tham gia điều hành Công ty, các thành viên còn lại đều là thành viên độc lập không tham gia điều hành.

- Ban kiểm soát

Ông Kuo Lao Fu Trưởng Ban kiểm soát
 Ông Tu Ting Jiu Thành viên Ban kiểm soát
 Ông Wang Wen Reuy Thành viên Ban kiểm soát

8.1.2 Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị

- Thành viên Hội đồng Quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội Đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận thì chia đều
- Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không) hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị
- Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

8.1.3 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

| Stt | Họ tên | Chức vụ | Số lượng sở hữu | Số lượng cam kết nắm giữ |
|-------------|--------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------|
| I | Hội đồng Quản trị | | | |
| 1. | Shen Shang Pang | Chủ tịch HĐQT | 108.490 | 54.990 |
| 2. | Shen Shang Tao | Phó chủ tịch HĐQT | 66.710 | 33.350 |
| 3. | Shen San Yi | Thành viên HĐQT | 36.500 | 18.250 |
| 4. | Shen Shang Hung | Thành viên HĐQT | 52.040 | 26.020 |
| 5. | Chen Ping Sen | Thành viên HĐQT, TGD | 19.313 | 9.650 |
| II. | Ban kiểm soát | | | |
| 1. | Kuo Lao Fu | Trưởng Ban kiểm soát | 1.500 | 750 |
| III. | Ban Giám Đốc | | | |
| 1. | Chiu Chin Teng | Phó TGD | 30.000 | 15.000 |

8.1.4 Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và những người điều hành chủ chốt khác trong Công ty

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thành lập số 01/2005/ĐHĐCĐ ngày 25/6/2005 về việc phân phối lợi nhuận năm 2004 và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 1.426.169 nghìn đồng tương đương với 3% lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ của Công ty. Số thù lao này theo Báo cáo kiểm toán năm 2005 là 1.558.075 nghìn đồng do trong năm 2005 TAYA nhận được Công văn số 9697/BTC-TCDN của Bộ Tài chính, theo đó Taya sẽ được giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2004, 2005, 2006. Do đó, kiểm toán viên đã tính toán lại số thù lao Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát được hưởng theo lợi nhuận sau thuế mới.

8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

| Cổ đông | Số cổ phiếu | % |
|--|--------------------|------------|
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd | 10.960.622 | 60 |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 3.653.525 | 20 |
| Các cổ đông khác | 3.653.480 | 20 |
| Tổng cộng | 18.267.627 | 100 |

Chi tiết cổ đông khác bao gồm (số lượng cổ phần nắm giữ thực tế của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành)

| Cổ đông | Số cổ phiếu | % |
|-------------------------|--------------------|------------|
| Thành viên HĐQT | 365.380 | 10 |
| Cán bộ người nước ngoài | 125.813 | 3 |
| Cán bộ người Việt nam | 289.795 | 8 |
| Nhân viên | 98.195 | 3 |
| Cổ đông chiến lược | 334.147 | 9 |
| Cổ đông bên ngoài | 2.440.150 | 67 |
| Tổng cộng | 3.653.480 | 100 |

Ngày 13 tháng 04 năm 2006
Tổng giám đốc

CHEN PING SEN